**ĐỀ CƯƠNG**

**LUẬT THANH TRA SỬA ĐỔI**

**CHƯƠNG I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Quy định về phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về tổ chức, hoạt động thanh tra nhà nước.

**Điều 2. Giải thích thuật ngữ**

*Giải thích các khái niệm như:*

*1. Thanh tra nhà nước*.

2. *Định hướng chương trình thanh tra*

3. *Kế hoạch thanh tra*

*4. Báo cáo kết quả thanh tra*

*5. Kết luận thanh tra*

**Điều 3. Mục đích hoạt động thanh tra**

Mục đích hoạt động thanh tra nhằm phát hiện sơ hở trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền biện pháp khắc phục; phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật; giúp cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quy định của pháp luật; phát huy nhân tố tích cực; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

**Điều 4. Những nguyên tắc trong hoạt động thanh tra**

1. Tuân theo pháp luật; bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời.

2. Không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra giữa các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra; không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra.

**Điều 5. Các cơ quan thanh tra nhà nước**

Cơ quan thanh tra nhà nước, bao gồm:

Thanh tra Chính phủ

Thanh tra Bộ

Thanh tra tỉnh

Thanh tra Sở

**Điều 6. Chức năng của cơ quan thanh tra nhà nước**

Cơ quan thanh tra nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện và giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; tiến hành thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

**Điều 7. Trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước trong công tác thanh tra**

Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động thanh tra, xử lý kịp thời kết luận, kiến nghị thanh tra và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi, quyết định của mình.

**Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động thanh tra**

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra có trách nhiệm thực hiện yêu cầu, kiến nghị, quyết định về thanh tra, có quyền giải trình về nội dung thanh tra, có quyền và trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra phải cung cấp đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của người ra quyết định thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành, cộng tác viên thanh tra, thành viên khác của Đoàn thanh tra và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp; có quyền và trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 9. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thanh tra**

1. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn thanh tra để thực hiện hành vi trái pháp luật, sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho đối tượng thanh tra.

2. Thanh tra không đúng thẩm quyền, phạm vi, nội dung thanh tra được giao.

3. Cố ý không ra quyết định thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật; kết luận sai sự thật; quyết định, xử lý trái pháp luật; bao che cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật.

4. Tiết lộ thông tin, tài liệu về nội dung thanh tra trong quá trình thanh tra khi chưa có kết luận chính thức.

5. Cung cấp thông tin, tài liệu không chính xác, thiếu trung thực; chiếm đoạt, tiêu hủy tài liệu, vật chứng liên quan đến nội dung thanh tra.

6. Chống đối, cản trở, mua chuộc, đe dọa, trả thù, trù dập người làm nhiệm vụ thanh tra, người cung cấp thông tin, tài liệu cho cơ quan thanh tra nhà nước; gây khó khăn cho hoạt động thanh tra.

7. Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động thanh tra, lợi dụng ảnh hưởng của mình tác động đến người làm nhiệm vụ thanh tra.

8. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.

9. Các hành vi khác bị nghiêm cấm theo quy định của pháp luật.

**CHƯƠNG II**

**TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN THANH TRA CHÍNH PHỦ VÀ THANH TRA TỈNH**

**Mục 1**

**Thanh tra Chính phủ**

**Điều 10. Tổ chức của Thanh tra Chính phủ**

**Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Chính phủ**

**Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Thanh tra Chính phủ**

**Mục 2**

**Thanh tra tỉnh**

**Điều 13. Tổ chức của Thanh tra tỉnh**

**Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra tỉnh**

**Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh thanh tra tỉnh**

**CHƯƠNG III**

**TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN**

**CỦA CƠ QUAN THANH TRA BỘ VÀ THANH TRA SỞ**

**Mục 1**

**Thanh tra Bộ**

**Điều 16. Tổ chức của Thanh tra bộ**

**Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra bộ**

**Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra bộ**

**Mục 2**

**Thanh tra Sở**

**Điều 19. Tổ chức của Thanh tra sở**

**Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra sở**

**Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra sở**

**CHƯƠNG IV**

**TIÊU CHUẨN CÁC CHỨC DANH TRONG CƠ QUAN THANH TRA,**

**THANH TRA VIÊN VÀ CỘNG TÁC VIÊN THANH TRA**

**Điều 22. Tiêu chuẩn các chức danh trong cơ quan thanh tra**

**Điều 23. Thanh tra viên**

**Điều 24. Tiêu chuẩn chung của Thanh tra viên**

**Điều 25. Ngạch Thanh tra viên**

**Điều 26. Cộng tác viên thanh tra**

**CHƯƠNG V**

**HOẠT ĐỘNG THANH TRA**

**MỤC 1. QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 27. Xây dựng, phê duyệt Định hướng chương trình thanh tra, kế hoạch thanh tra**

**Điều 28. Hình thức thanh tra**

**Điều 29. Căn cứ ra quyết định thanh tra**

**Điều 30. Công khai kết luận thanh tra**

**Điều 31. Xử lý và chỉ đạo việc thực hiện kết luận thanh tra**

**Điều 32. Xử lý hành vi không thực hiện yêu cầu, kết luận, quyết định xử lý về thanh tra**

**Điều 33. Xử lý hành vi vi phạm pháp luật của người ra quyết định thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên, cộng tác viên thanh tra, thành viên khác của Đoàn thanh tra**

**Điều 34. Giá trị pháp lý của kết luận thanh tra**

**Điều 35. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động thanh tra**

**MỤC 2. ĐOÀN THANH TRA VÀ**

**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TIẾN HÀNH THANH TRA**

**Điều 36. Đoàn thanh tra**

**Điều 37. Thẩm quyền ra quyết định thanh tra**

**Điều 38. Chuẩn bị ra quyết định thanh tra**

**Điều 39. Quyết định thanh tra**

**Điều 40. Thời hạn thanh tra**

**Điều 41. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đoàn thanh tra**

**Điều 42. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Đoàn thanh tra**

**Điều 43. Nhiệm vụ, quyền hạn của người ra quyết định thanh tra**

**Điều 44. Giám sát, kiểm tra hoạt động của Đoàn thanh tra**

**Điều 45. Báo cáo kết quả thanh tra**

**Điều 46. Thẩm định dự thảo Kết luận thanh tra**

**Điều 47. Kết luận thanh tra**

**MỤC 3. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐỐI TƯỢNG THANH TRA**

**Điều 48. Quyền của đối tượng thanh tra**

**Điều 49. Nghĩa vụ của đối tượng thanh tra**

**MỤC 4. HỒ SƠ THANH TRA,**

**TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN ĐIỀU TRA**

**Điều 50. Hồ sơ thanh tra**

**Điều 51. Trách nhiệm của cơ quan điều tra**

**CHƯƠNG VI**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 52. Hoạt động thanh tra trong các cơ quan khác của Nhà nước; tổ chức và hoạt động thanh tra trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

1. Căn cứ vào quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước, các cơ quan khác của Nhà nước tổ chức và chỉ đạo hoạt động thanh tra trong ngành, cơ quan mình.

2. Tổ chức và hoạt động thanh tra trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân do Chính phủ quy định.

3. Tổ chức và hoạt động thanh tra trong Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về ngân hàng.

**Điều 53. Hướng dẫn hoạt động thanh tra chuyên ngành**

Căn cứ vào quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thống nhất với Tổng Thanh tra Chính phủ trình Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thanh tra chuyên ngành của bộ, ngành mình.

**Điều 54. Hiệu lực thi hành**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm .

Luật thanh tra số 56/2010/QH12 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

**Điều 55. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành**

Chính phủ, cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật; hướng dẫn những nội dung cần thiết khác của Luật này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 20 .*